TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **64** /2021/QĐHG-DS	*TP.Tuyên Quang, ngày 22 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thẩm phán ra quyết định: Bà **Đào Thị Thu Thuỷ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 32, 33, 34, 35, 36 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 03 tháng 12 năm 2021 giữa:

- Người khởi kiện: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh tỉnh T (Agribank - Chi nhánh T)

Địa chỉ: Số 1, đường N, phường M, thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Việt H**, c**hức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong vụ khởi kiện ông Hà Quang H, nhân viên phòng kiểm tra, kiểm soát nội bộ, cán bộ pháp chế Agribank - Chi nhánh tỉnh T.

- Người bị kiện: Ông Phạm Đức T, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1964

Cùng địa chỉ: Tổ 16, phường M, thành phố T.

XÉT THẤY:

Nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án đã có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Đã hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án nhận được Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải thành và tài liệu kèm theo, không bên nào có ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa các bên hòa giải:

* *Người khởi kiện*: **Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh tỉnh T** (Agribank - Chi nhánh T)

Địa chỉ: Số 1, đường N, phường M, thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Việt H**, c**hức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong vụ khởi kiện ông Hà Quang H, nhân viên phòng kiểm tra, kiểm soát nội bộ, cán bộ pháp chế Agribank - Chi nhánh T.

* *Người bị kiện*: Ông **Phạm Đức T**, sinh năm 1964 và bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1964

Cùng địa chỉ: Tổ 16, phường M, thành phố T.

2. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án của các bên, cụ thể như sau:

Ông Phạm Đức T và bà Nguyễn Thị X phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) – Chi nhánh tỉnh T:

- Nợ gốc: 370.000.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi triệu đồng chẵn*).

- Nợ lãi: 137.498.136 đồng (*Một trăm ba mươi bẩy triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn, một trăm ba mươi sáu đồng)* tính đến ngày Toà án hoà giải 03/12/2021.

Tổng cộng ông Phạm Đức T và bà Nguyễn Thị X phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) – Chi nhánh tỉnh T số tiền 507.498.136 đồng (*Năm trăm linh bẩy triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn, một trăm ba mươi sáu đồng)*

Chia ra: Ông Phạm Đức T phải trả 185.000.000 đồng tiền gốc và 68.749.068 đồng tiền lãi (tính đến ngày 03/12//2021); Bà Nguyễn Thị X phải trả 185.000.000 đồng tiền gốc và 68.749.068 đồng tiền lãi (tính đến ngày 03/12//2021).

- Buộc ông Phạm Đức T và bà Nguyễn Thị X phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 8100LAV201801211/HĐTD ngày 16/8/2018.

- Trường hợp ông Phạm Đức T và bà Nguyễn Thị X không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Agribank Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà xây 1 tầng), thửa đất số: 02203.30.168; tờ bản đồ số: 30; Diện tích đất: 88,2 m². Giấy CNQSD đất số phát hành AĐ 671673 do UBND thị xã Tuyên Quang (nay là UBND TP Tuyên Quang) cấp ngày 04/01/2006 mang tên ông Phạm Đức T và bà Nguyễn Thị X. Địa chỉ thửa đất: Tổ 1 (nay là tổ 16),

phường M, TP T, tỉnh T) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 701201812/HĐTC ngày 15/8/2018, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 16/8/2018 tại Văn phòng đăng ký đất đai Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang để thu hồi nợ theo qui định của pháp luật.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4. Các bên, người đại diện hoặc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến quyết định của Tòa án có quyền đề nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

5. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các bên;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

Đào Thị Thu Thuỷ